

## Đề bài

Anh, chị hãy phân tích sức hấp dẫn của một trong ba truyện ngắn sau đây: *Mợ Du* của Nguyễn Hồng, *Chiều sương* và *Nằm vạ* của Bùi Hiển.

(Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1997, Bảng A, đề 2)

## Bài làm (Về truyện ngắn *Mợ Du* của Nguyên Hồng)

Không hiểu vì sao mỗi lần đọc văn Nguyên Hồng, tôi lại có cảm giác về một đôi mắt hiền từ, ấm áp và thật buồn – đôi mắt mẹ! Dường như hình ảnh mẹ ẩn trong từng câu từng chữ; như nổi khắc khoải khôn nguôi, như một niềm nhớ mãi cháy sáng nơi trái tim đứa con tội nghiệp và giàu tình cảm. Phải, trước khi là một nhà văn, Nguyên Hồng đã và luôn là một con người trên hành tinh gìn giữ, nâng niu thứ tình cảm nguyên thủy và thiêng liêng nhất: *tình mẹ*.

Truyện ngắn *Mợ Du* không nằm ngoài trường cảm xúc ấy của Nguyên Hồng. Câu chuyện hẳn lên như một nỗi đau, niềm ân hận và cả những giọt nước mắt ghen ngào. Giản dị mà không bình thường, sâu kín mà không tĩnh lặng... truyện *Mợ Du* hấp dẫn người đọc bởi chính tình thương yêu cháy bỏng đốn đau. Đi chênh vênh giữa hai bờ quá khứ và hiện tại, mất mát và xa xót là nhân vật “tôi” – tác giả, chú bé của những hoài niệm về tuổi thơ đã qua; gắn với những lần gặp gỡ vội vã, giấu giếm đầy bi kịch của hai mẹ con mợ Du – nhân vật trung tâm của truyện.

Không ai biết người đàn bà ấy đã “phạm tội” gì cụ thể, vì sao mà phải bỏ nhà đi, phải xa con. Nhưng chắc rằng lí do nằm ngay trong những giọt nước mắt vụng trộm của mợ Du. Người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã “xuất giá” là phải “tòng phu”, là thuộc về gia đình chồng, bị trói buộc trong giáo điều hà khắc, luân quản. Thế nhưng mợ Du đã trót đa mang. Tâm hồn người phụ nữ ấy không chịu nằm yên gò bó giữa “tam tòng, tứ đức”. Mợ ra đi bởi điều gì? Có lẽ mợ theo tiếng gọi của tình yêu, hay là buộc phải đi vì thói thường đâu có chấp nhận một người đàn bà “lệch chuẩn”, đa đoan. Mợ Du ơi, giá mợ cứ đánh đá, lãng loàn đi, chắc mợ sẽ đỡ khổ. Hay là mợ phơi phới, vui tươi trong tình duyên mới, nỗi đau sẽ dịu đi nhiều. Đằng này, mợ tháo dây trói cuộc đời làm dâu, làm vợ, mà không tháo nổi sợi dây vô hình của tình mẹ con. Mợ cũng chỉ là một người đàn bà. Thượng đế ác thay, khi tạo ra đàn bà đã đặt vào họ một dây thần kinh nhạy cảm đặc biệt – đó là tình yêu thương. Họ luôn khao khát được chăm sóc, chở che, được yêu thương, vỗ về. Họ yếu đuối, đa cảm. Nếu như với đàn ông, công danh, sự nghiệp là điều quan trọng hơn cả, thì phụ nữ lại thêm khát, nâng niu những tình cảm thật mỏng manh. Với một người phụ nữ, còn gì hơn là được làm vợ, làm mẹ. Phần mẫu tính không bao giờ mất ấy có khi lại là nguyên nhân của những nỗi đau, những bi kịch không lời. Đã có biết bao người đàn bà âm thầm nén chịu bất công, đau khổ. Những mối quan hệ “mẹ chồng nàng dâu”, của dân làng, của xã hội, của tất cả đều chống lại người phụ nữ. Quyền làm vợ, làm mẹ theo đúng nghĩa của nó dường như không còn nữa. Những người đàn bà cứ chết dần, chết mòn đi trong chính gia đình của mình. Cuộc đời trở thành cái vòng luân quản tù túng đầy những đe dọa.

Mợ Du sinh ra cũng là để chịu một số phận như thế. Mợ vùng vẫy thoát ra. Nhưng mợ có thoát được không? Miệng tiếng thế gian, sự chửi rủa của

gia đình chồng... tất cả như những mũi dao luôn chĩa thẳng vào mẹ, xua đuổi mẹ ra khỏi xã hội mà mẹ đang sống. Mẹ bỏ chạy, mẹ đi thật xa. Thế mà mẹ có đi được đâu, tiếng khóc, tiếng gọi của đứa con cứ kéo mẹ trở về đau đớn và dai dẳng, tình mẫu tử bắt mẹ phải thành kẻ lén lút như có tội.

Cậu bé con, nhân vật “tôi” – tác giả, là người chứng kiến bi kịch ấy. Trong trí óc non nớt của cậu, người mẹ tội nghiệp kia lúc đầu chỉ đáng chú ý bởi đồng xu mà mẹ cho. Cậu bé đi gọi hộ thẳng Dũng cho mẹ gặp. Thế nhưng chính những cuộc gặp gỡ đầy nước mắt ấy đã đánh thức trong cậu bé một điều gì thật lạ lùng. Đó là những xúc cảm chưa thành hình về tình mẫu tử trong cậu. Còn gì đau đớn hơn cảnh một người mẹ ôm con mình mà khóc, muốn ôm con, ghì chặt lấy con nhưng lại sợ hãi, khở sợ. Mẹ Du không được gặp con thì nhớ thương, trăn trở. Mẹ gặp con thì nỗi đau còn lớn hơn là được làm mẹ, được nghe con gọi: “Mẹ ơi”. Thế nhưng trớ trêu làm sao, mẹ Du không được hưởng trọn vẹn cái quyền ấy. Hay đúng hơn, mẹ bị người ta xua đuổi, cấm đoán, không cho mẹ làm một người mẹ. Mẹ chỉ được gặp con trong chốc lát, vội vã ở sau vườn, rồi lại phải rút ruột ra đi, bỏ lại sau lưng tiếng gào khóc đòi mẹ của đứa con thơ. Mẹ như bị chia đôi, một nửa đi theo cuộc sống mới, còn một nửa tình yêu, tấm lòng thì bị kéo lại nơi đứa con, mà như thế, làm sao mẹ có thể thanh thản sống tiếp cuộc đời mới?

Nép mình sau hàng giậu chứng kiến những cuộc gặp gỡ giữa hai mẹ con mẹ Du, cậu bé con “tôi” ấy cũng nghẹn ngào, xúc động. Dường như có một mối giao cảm kì lạ nào đó giữa nỗi đau của mẹ Du, bé Dũng và cậu bé. Cậu bé thương họ, và thương cả chính mình – đứa con vắng mẹ, thiếu tình mẫu tử. Tự nhiên những đồng xu mẹ Du cho không còn ý nghĩa gì nữa. Tự nhiên cậu bé không còn là người ngoài cuộc nữa. Cậu bé cũng hòa vào nỗi đau ấy, xa xót cho những giọt nước mắt, những tiếng nấc nghẹn của mẹ Du. Và kì diệu thay là tình mẫu tử! Trong lúc mẹ Du gặp bé Dũng, nhân vật “tôi” bỗng thấy mẹ đẹp lạ lùng. Má mẹ hồng lên, mắt long lanh. Mẹ đẹp đến nỗi cậu bé phải ngạc nhiên, như không còn nhận ra người phụ nữ xanh xao, mệt mỏi lúc trước nữa. Chẳng biết có phải do vui mừng mà mẹ trở nên tươi tắn, đẹp đẽ, hay chính tình mẫu tử đã thổi vào con người ấy một sức sống mới mẻ, tràn đầy? Hay trước mặt con, người mẹ luôn phải tỏ ra khỏe mạnh, hạnh phúc? Không, có lẽ là do tình yêu con, chỉ có thứ tình cảm thiêng liêng ấy mới đủ sức mạnh làm đổi thay cả một con người. Chỉ khi được ở bên con, sức sống của người mẹ mới trở lại, làm thắm hồng đôi gò má. Người mẹ đẹp đẽ là nhờ có đứa con. Bé Dũng có nhận ra điều ấy không thì không ai rõ. Song trong đôi mắt cũng tràn nước của cậu bé đứng nép đằng sau quan sát những cuộc gặp gỡ, người mẹ đẹp đến lung linh.

Đọc *Những ngày thơ ấu*, ta cũng bắt gặp hình ảnh người mẹ đẹp đẽ như thế. Cậu bé con bỏ chết, mẹ bỏ đi, phải sống giữa gia đình nội, không có tình thương, luôn khát khao được gặp mẹ. Rồi một ngày, chú bé ấy thấy mẹ

về tươi tắn, mẹ thơm mùi trà, mẹ ấm áp... Trong mỗi đứa con, mẹ bao giờ cũng là người đẹp nhất, hiền nhất, ấm áp nhất. Bởi thế, dù mẹ có gầy gò, khổ sở đến thế nào, với con, mẹ mãi mãi là tuyệt diệu nhất ở trên đời. Không có ai bằng mẹ, không có ai thay thế được mẹ.

*Mợ Du* không phải là loại truyện bẽn lẽn hành động, nhưng có lẽ làm nên ấn tượng cho người đọc sâu sắc là ở những chi tiết nhỏ, tạo đà cho cảm xúc thăng hoa. Quả là truyện của Nguyên Hồng không ngợp lên bởi hành động, bởi ngôn từ, tất cả giản dị và bàng bạc trong không khí yên tĩnh, khẽ khàng. Điều cuốn hút người đọc là ở cái tình rất mạnh, rất sâu, nó cho hồn mình phải chan hòa cùng tình cảm của tác giả. Văn Nguyên Hồng là thứ văn của một người đa cảm, giàu xúc động, vương vấn những điệu hồn đầy chất thơ. Suy cho cùng, văn chương trước hết là cuộc đời. Một nhà văn nhiều tình cảm và nhân hậu như Nguyên Hồng đã mang đến cho văn học một luồng xúc cảm thật lạ, dịu dàng mà đậm thắm, khác xa với thứ văn chương suốt mướt thịnh hành lúc bấy giờ. Tình cảm, khi nó tự bộc lộ, bao giờ cũng là thứ đáng được trân trọng hơn cả. Văn Nguyên Hồng nhờ thế có một chỗ đứng rất vững, không bị khóa lấp bởi bất kì “ngọn núi văn học” vĩ đại nào. Những tác phẩm ấy luôn mới mẻ vẹn nguyên với thời gian bởi chất tình dào dạt, tràn đầy.

Nếu như tác giả kết thúc truyện ở những lần gặp gỡ, để cho không gian truyện bó hẹp trong chốn làng quê tù túng, chắt chắt truyện vẫn để lại cho người đọc ấn tượng nhất định nào đấy. Người ta sẽ thương, sẽ buồn và xúc động. Nhưng để cho câu chuyện đi tiếp về hiện tại, tác giả đã khơi sâu thêm mạch cảm xúc của một sự ân hận, giày vò cháy lòng. Đây truyện lên đến cực điểm của những giằng xé nội tâm, Nguyên Hồng đã đi thêm một bước nữa vào thế giới hiện thực khổ đau. Ông không để quá khứ ngủ yên, mà khuấy động những kỉ niệm thức dậy, trở trần, nức nở... Mọi chuyện lại không rõ ràng, hiện hiện để người trong cuộc được đau nỗi đau cụ thể, xé lòng. Vẫn còn một lớp màn hồ nghi bao bọc, như một sự an ủi cuối cùng, mong manh. Bởi dù cố lắng dịu lòng mình, nhân vật “tôi” – cậu bé ngày nào, vẫn biết chắc rằng người đàn bà xơ xác, tiều tụy chết thảm kia chính là mợ Du. Có ai lại yêu thương, gìn giữ những bức thư nhỏ qua tháng năm, nếu đó không phải là người mẹ? Nhưng cuộc gặp gỡ ấy sao mà ngang trái, đau khổ đến vậy! Mợ Du và cậu bé nhân vật “tôi” sống cạnh nhau hằng ngày mà không nhận ra nhau, không biết đến nhau. Cũng có thể người phụ nữ ấy nhận ra cậu, nhưng bà sợ, bà tủi... biết bao thứ cảm xúc tội nghiệp trong lòng khiến bà vội vã trốn chạy, quay ngoắt đi khi cậu gọi mua chuối. Người mẹ đã phải trải qua bao tủi nhục, bà mới trở nên tàn tạ đến thế! Bà không còn là mợ Du đẹp đẽ ngày nào, giờ đây chỉ còn lại cái bóng của bà thôi. Đói rách, khổ đau, vất vả đã biến một người đầy sức sống, trẻ trung thành một cụ già bần thủ, rách rưới, nghèo khổ sống lẫn lộn, đơn độc. Còn gì kinh khủng hơn tuổi già và sự cô đơn, thêm vào đó là cái đói, cái chết

rình rập sau lưng. Người đàn bà ấy đã không chống chịu nổi. Bà đành buông xuôi trước cuộc đời. Bà chết. Biết đâu đó lại là một cách giải thoát đơn giản nhất, hữu hiệu nhất cho cuộc đời toàn bất hạnh của bà. Hay đó lại là thêm một lần vợ Du trốn chạy khỏi sự nghiệt ngã của xã hội, của thế gian. Có bao giờ vợ Du nuôi tiếc cho sự “lầm lỡ” của mình ngày xưa không? Số phận không để vợ yên ổn, nhìn đâu cũng thấy những vòng kiềm tỏa, bế tắc. Vợ đi khỏi nhà chồng để chạy trốn, nhưng vợ lại không trốn được khỏi tình mẫu tử. Vợ những tưởng tìm được cuộc sống mới, song cuộc đời lại chìm vợ xuống sâu hơn. Số kiếp người đàn bà ấy sao mà đớn đau đến thế, nó là tiếp nối của một chuỗi bi kịch, mất mát, thương đau. Đến cuối chặng đường, vợ Du đã khiếp sợ, mỗi mết lấm ròi, con người vợ như cái bóng. Nhưng thăm sâu trong bao năm tháng, đứa con giờ đã lớn rồi, biết có còn nhớ đến mẹ nữa không? Liệu đứa con có biết mẹ phải khổ sở, tàn tạ và chết trong cô đơn? Chắc hẳn là vợ Du đã giấu con sự nghèo đói của mình, cũng như ngày trước đã giấu đi những nỗi đau vò xé để tìm về với con. Tấm lòng người mẹ nào cũng lớn lao và cao cả như vậy. Vì con, người mẹ sẵn sàng hi sinh thân mình, chịu đựng những vất vả, khổ đau. Tình yêu ấy lớn hơn tất cả, là cội nguồn của mọi tình cảm con người.

Truyện ngắn *Mợ Du* khép lại trong một âm hưởng thật buồn, nỗi buồn tràn ngập cả không gian, tràn cả vào lòng người đọc. Số phận vợ Du như một dấu hỏi xoáy sâu vào tâm can mỗi người. Có phải cuộc đời ấy khổ đau là do “số”, do trời định? Có phải nếu chịu ép mình trong gia đình nhà chồng, vợ Du sẽ không phải khổ? Không, nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bỏ trốn của vợ chính là do xã hội với những quan niệm nghiệt ngã, phi nhân tính đã cướp đi của người phụ nữ hạnh phúc và quyền lợi. Họ không sống thực, mà chỉ tồn tại như một công cụ của nhà chồng. Nguyễn Du đã phải đau đớn thốt lên:

*Đau đớn thay phận đàn bà*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Mợ Du không chịu nổi, không chịu được vòng trời buộc hà khắc ấy. Mợ đã phải ra đi tìm một cuộc sống mới. Nhưng mợ Du lại là một người mang một tình yêu con tha thiết. Mợ không thể giống như những Loan, những Tuyết, những Nhung... trong các tác phẩm của Tự lực văn đoàn quyết dứt áo ra đi vì Cái Mới, vì tự do. Trong mợ có sự giằng xé, mâu thuẫn giữa hai con người, một bên là người đàn bà muốn tìm kiếm hạnh phúc, một bên là người mẹ đâu có thể xa rời đứa con mình. Mợ Du chịu nỗi đau thể xác chưa đủ, còn phải gánh thêm gánh nặng tinh thần trĩu xuống đôi vai. Nỗi đau của mợ Du là ở chỗ mợ không thể giải quyết được những mâu thuẫn của mình, mợ chới với giữa hai bờ đau khổ. Cuộc đời mới, cuối cùng còn lại gì? Một thân xác ốm đau bản thủ phải nhờ vào sự hảo tâm chôn cất. Một gánh hàng cũng nhếch mác, đáng đồ đi không ai nhặt. Mợ chết đi không có ai khóc thương (ngoại trừ cậu bé sau này mới nhận ra mợ thì đã quá muộn), không

ai thân thích. Mợ lặng lẽ đi tìm một chỗ nào đó, ở trên kia, cao lắm, để từ đó nhìn xuống thế gian đầy rẫy bi kịch này. Mợ đã chấm dứt được quãng đời đau khổ của mình một cách khổ đau.

Nhưng nếu như truyện ngắn *Mợ Du* chỉ có thế thì giá trị nhân văn của nó sẽ giảm đi nhiều lắm. Bằng lòng trắc ẩn của mình, Nguyên Hồng không để truyện chảy trôi theo mạch thông thường. Ông khơi một dòng mới, nâng truyện ngắn của mình lên một tầm cao hơn, lên vị trí cao cả của tình thương. Người mẹ tội nghiệp ấy không còn, nhưng tình yêu con của bà vẫn sống mãi, sưởi ấm cả câu chuyện. Bà không để lại gì cho đời song thứ của cải vô giá bà dành cho con thì không gì sánh nổi. Lại một lần nữa, người đọc cảm thương cho mợ Du. Người phụ nữ ấy yêu con đến cháy lòng, vậy mà cả đời có bao giờ được sống với con, cho con. Bao tình thương chỉ được dồn cho vài lần gặp mặt vụng trộm, hoặc trong những bức thư thưa thớt sau những lần đứng từ xa ngắm con mà khóc thầm. Không gì đau khổ bằng sự chia cách tình mẫu tử, nhất lại là sự chia rẽ oái ăm và ngang trái. Người phụ nữ ấy đã khóc bao nước mắt, đã chịu đựng sự giằng xé tâm hồn đến mức nào. Sức sống của bà dồn góp hết, gửi vào phía đứa con, bà đã đầu hàng số phận nhưng tình mẫu tử không bao giờ tắt, không bao giờ ngưng nghỉ.

Nguyên Hồng có lối viết văn rất bình dị, giản đơn như chính cuộc đời đi vào tác phẩm. Tác phẩm của ông không hấp dẫn người đọc bởi những câu chữ cầu kì mới lạ, những biện pháp nghệ thuật độc đáo. Người ta yêu văn Nguyên Hồng do cái tình rất mạnh chi phối toàn bộ mạch truyện. Có lẽ hiếm có nhà văn nào viết về mẹ nhiều như Nguyên Hồng. Trong *Những ngày thơ ấu*, hình ảnh mẹ luôn hiện hữu chiếm lĩnh tâm hồn cậu bé mồ côi. Mẹ có trong những niềm vui, nỗi buồn, trong giấc mơ. Mẹ là tượng trưng cho vẻ đẹp, tình yêu và sự sống. Ở *Bỉ vỏ*, Tám Bính cũng hiện lên như một người phụ nữ bất hạnh nhưng đầy mẫu tính. Cô phải rút ruột cho đi đứa con của mình, song cả cuộc đời lang bạt không lúc nào cô không nghĩ đến con. Đứa con chết, cũng là lúc Tám Bính chết hẳn về tinh thần, người phụ nữ ấy không còn hiện hữu nữa. Cô gái Huệ Chi (trong đoạn trích *Huệ Chi trước lễ cưới*, trích *Cửa biển*) mồ côi mẹ, luôn hướng tới mẹ bằng thứ tình cảm vừa thiêng liêng vừa gắn bó. Huệ Chi đã đi theo tiếng gọi của mẹ, tự giải thoát khỏi cuộc đời khổ đau trong hiện tại. Tuổi thơ thiếu vắng tình thương của mẹ đã nuôi dưỡng trong Nguyên Hồng một nỗi thèm khát, ước ao được hưởng tình mẫu tử, được sống bên mẹ, được chở che, yêu thương. Niềm khát khao ấy đã ngấm sâu vào trong tim, và được trải vào văn chương của ông. Bất cứ trang viết nào của Nguyên Hồng cũng thấp thoáng bóng dáng mẹ. Có thể nói mẹ là hình tượng nghệ thuật lớn nhất chi phối con đường sáng tác văn chương Nguyên Hồng.

Đọc *Mợ Du*, ta gặp được chính tình cảm thiêng liêng ấy. Nguyên Hồng đóng vai một người đứng ngoài để quan sát, lắng nghe, chiêm nghiệm, cảm nhận. Nhưng tình cảm của ông cứ theo ngòi bút tràn ra ngoài, để cuối cùng

thành những dòng lệ ứa, nức nở. Người đọc bị cuốn theo cảm xúc cao độ ấy, như cùng suy nghĩ, trở trăn, đau đớn. Có lẽ vì thế mà tính nhân đạo trong văn cùng thời. Ông đã bắt được một nguồn cảm xúc rất nguyên thủy nhưng trường tồn và luôn đi cùng lịch sử loài người – tình mẫu tử. Bằng tình thương, Nguyên Hồng gửi vào trang sách của mình những tình cảm, suy nghĩ đầy chất gọi mở đối với người đọc. Khép truyện ngắn *Mợ Du* lại, ta còn đau đầu một nỗi niềm không yên.

Nói về một truyện ngắn như *Mợ Du* của Nguyên Hồng không dễ. Truyện tưởng chừng không có gì cả, tất cả đã bày lên trang giấy, nhưng cuối cùng người đọc vẫn tự hỏi: Những điều ta thấy có đúng không? Ta đã đi hết con đường Nguyên Hồng trải ra trước mắt chưa? Điều đó thật sự khó trả lời, bởi văn Nguyên Hồng giản dị nhưng lại sâu sắc nhờ ngập tràn cảm xúc. Muốn hiểu văn ông, trong tim cảm xúc phải thật đầy, phải biết cảm thông và chia sẻ, biết yêu thương và trân trọng.

Văn chương là chuyện của muôn đời, muôn người. Sức hấp dẫn của nó không gì cưỡng lại nổi. Đọc truyện ngắn *Mợ Du*, ta như một lần nữa được nhìn thấy một chân trời cảm xúc vừa quen thuộc vừa mới mẻ, truyện ngắn giúp ta hiểu hơn về những xúc cảm sâu xa trong tâm hồn con người. Bền bỉ, lặng lẽ và dào dạt, mạch ngầm của yêu thương vẫn mãi chảy suốt cùng tháng năm, cùng loài người. Đến một lúc nào đó, ta nhận ra rằng: Con người được làm nên chính bởi tình yêu thương.

Đặng Thanh Vân

Trường THPT Hà Nội – Amsterdam (Bài đoạt giải nhất)

### **Bài làm (Về truyện ngắn *Chiều sương* của Bùi Hiển)**

Trong văn học hiện thực những năm 1930 – 1945, có những cây bút xuất sắc tạo nên vẻ đẹp, sức hấp dẫn cho nền văn học Việt Nam như Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao... Dẫu không có nhiều tác phẩm, nhưng Bùi Hiển cũng thật sự là một tài năng, có những sáng tác mang “sức hấp dẫn” riêng mà tiêu biểu là truyện ngắn *Chiều sương*.

Khi được đọc truyện *Ngày công của cụ Tí*, ta bắt gặp một Bùi Hiển trẻ trung, hồn nhiên với những trang phân tích tâm lí trẻ con thật đặc sắc. Nhưng ở *Chiều sương*, Bùi Hiển lại tỏ ra là một cây bút khá già dặn, trải nghiệm với những suy nghĩ sâu sắc về cuộc sống và con người, cụ thể là người dân sống bằng nghề chài lưới – những con người nơi miền biển Nghệ An, quê hương tác giả.

*Chiều sương* không giống các tác phẩm của Nam Cao, Ngô Tất Tố miêu tả những người nông dân có nỗi khổ truyền kiếp do xã hội cũ mang lại. Cũng khai thác nỗi nhọc nhằn, hiểm nguy của công việc và vẻ đẹp của con người, tác phẩm này của Bùi Hiển đã cuốn hút người đọc bởi lối viết truyện

hấp dẫn, sáng tạo, đúng là tác giả đã “khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có” như cách nói của Nam Cao.

Đọc những dòng đầu tiên của truyện, tôi có cảm giác *Chiều sương* cũng giống như bao truyện lãng mạn thời ấy. Nhân vật mang tên “chàng” nghe đã mùi mẫn, tiêu thuyết, anh ta lại lang thang trong một buổi chiều mù mịt sương bay, lòng buồn vô cớ. Thiết nghĩ giọng văn kiêu ấy, nhân vật ấy không có gì là lạ so với nhiều tác phẩm văn học lãng mạn đương thời như *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách hay *Dưới bóng hoàng lan* của Thạch Lam... Nhưng khi “chàng” mang nỗi buồn vô cớ đến với cựu dân chài – lão Nhiệm Bình – và yêu cầu lão kể chuyện ma, thì những ý nghĩ ban đầu của người đọc không còn nữa. Trong lời kể hết sức thần nhiên, điềm đạm của lão Nhiệm Bình, ta thấy hiện lên những bóng ma thoát ần, thoát hiện như trên người, tiếng cười lúc lạnh lạnh, khi rít lên; rồi tất cả những bóng ma lại biến mất, chỉ còn lại sự bình yên của biển cả. Như thế, *Chiều sương* không thể là một câu chuyện lãng mạn. Nếu chỉ đọc lướt qua *Chiều sương*, ta sẽ thấy truyện như chẳng có gì, ngoài hình ảnh những bóng ma, những con thuyền ma và bầu trời mù mịt đầy sương bí ần.

Bùi Hiến thực sự đã “đánh lừa” cảm nhận của người đọc. Nếu *Chiều sương* đơn thuần chỉ là một tác phẩm lãng mạn hay là một loại truyện ma quái, rùng rợn thì truyện sẽ chẳng hấp dẫn ta đến thế. Đằng sau những bóng ma, con thuyền ma và cái mịt mù bí ần của sương bay trên biển cả hung dữ lại chính là hình ảnh của những con người lao động trong nỗi nhọc nhằn, nguy hiểm của nghề đi biển, nhưng ở họ vẫn sáng lên vẻ đẹp của con người lao động Việt Nam. Giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm này chính là ở chỗ đó.

Sự hấp dẫn đầu tiên của *Chiều sương* chính là những trang văn dựng nên hình ảnh những người lao động trong nỗi nhọc nhằn, hiểm nguy để thông qua đó khẳng định phẩm chất và vẻ đẹp của họ. Trong tác phẩm này, Bùi Hiến đã khắc họa thành công một bức tranh lao động nhọc nhằn, nguy hiểm của những người dân chài. Đông bão, núi đá là kẻ thù của họ. Con bão ập đến bất ngờ khiến thuyền cá ông Phó Nhụy không thể lường trước để đối phó. Con thuyền trước sóng biển mênh mông, dữ dội như thể con mồi bị quần thảo, chực chìm ngấm xuống lòng biển sâu. Ông Phó Nhụy bị những giọt nước lớn ném vào mặt như những vốc đá khiến da rát bỏng. Sóng làm cho những người dân chài trên thuyền lặn lông lốc. Con thuyền lắc lư có lúc dựng đứng lên như chiếc dùi cắm xuống biển. Nỗi đau đớn da thịt do đông bão đem lại không đáng sợ bằng cái chết luôn rình rập những người dân chài. Thuyền cá ông Phó Nhụy vừa thoát cơn dông bão khủng khiếp thì lại suýt va vào đá núi. Nếu không kịp phát hiện và lập tức cho thuyền quẹo trái, thì chắc rằng thuyền ông Phó Nhụy sẽ vỡ tan tành như thuyền ông Xin Kính, mà về sau một thành viên sống sót của con thuyền xấu số này kể lại. Đông bão đúng là kẻ thù của người dân chài, luôn sẵn sàng bất cứ lúc nào



cũng có thể ập đến nuốt chửng họ vào biển sâu. Và họ còn có một kẻ thù đáng sợ nữa là núi đá. Hãy coi chừng, đằng sau vẻ uy nghi đìu dặt, nó ẩn chứa sức mạnh của thần chết. Bằng những trang miêu tả vô cùng hấp dẫn, Bùi Hiền giúp ta thấu hiểu nghề đi biển của những người dân chài. Đó là nghề vừa nhọc nhằn vừa hiểm nguy. Mỗi bóng ma chính là hiện thân của một người dân chài đã bị sóng gió lấy đi mạng sống. Những mất mát của họ là quá lớn. Giây phút cuối đời, họ không được chết nơi đất liền ấm áp tình người. Họ phải bỏ xác trong lòng biển lạnh lẽo. Vì thế, hình ảnh những bóng ma hiện về qua lời kể thân nhiên của lão Nhiệm Bình chính là sự khao khát được tìm lại chút ấm áp mà ở lòng biển lạnh lẽo không có.

Những trang hiện thực của *Chiều sương* thực sự lôi cuốn ta, hấp dẫn ta. Bùi Hiền cho thấy hiện thực cuộc sống lao động trên biển mà người dân chài đầy nhọc nhằn, nguy hiểm. Nhà văn đã giúp ta xích lại gần hơn, đồng cảm hơn với nỗi khổ của con người. Đây chính là nét hấp dẫn, khả năng giáo dục mà truyện ngắn *Chiều sương* mang lại cho ta.

Song, nếu Bùi Hiền chỉ khai thác sự mất mát, hiểm nguy trong cuộc kiếm sống trên biển của người dân chài thì truyện ngắn này không thể hấp dẫn ta đến thế. Vẻ đẹp của con người lao động mà Bùi Hiền khẳng định, ngợi ca bằng thái độ trân trọng chính là một nét hấp dẫn khác của truyện *Chiều sương*. Đọc truyện này, ta thêm tin tưởng vào con người. Những người dân chài qua ngòi bút của Bùi Hiền hiện lên thật đôn hậu, chất phác. Lão Nhiệm Bình chính là hiện thân của những người dân chài đã từng dãi gió, dầm mưa, chống chọi với bao hiểm nguy trên biển cả, am thông nghề đi biển. Vẻ đẹp chất phác, hồn hậu của lão chính là vẻ đẹp của những người dân chài mà Bùi Hiền muốn ngợi ca. Họ đẹp trước hết bởi có tinh thần lao động cần cù, dũng cảm giành lại sự sống từ tay thần chết.

Đoạn miêu tả sự chống chọi của những người dân chài với dông bão có thể nói là một trong những đoạn hay nhất truyện. Những người dân chài không những không tỏ ra sợ sệt trước sự dữ dội của biển cả, mà họ còn tìm mọi cách chống lại sức mạnh của sóng gió. Đọc cả đoạn miêu tả cảnh thuyền gặp bão, ta không nhận thấy dù chỉ một từ nhà văn thể hiện sự nhụt chí của những con người này. Ngay khi phát hiện cơn dông, họ lập tức giông buồm cho thuyền chạy nhanh về phía lạch. Không kịp, họ tìm cách thả neo. Con thuyền “hục hặc” như con trâu bị buộc, chực đổ ụp xuống lòng biển; lúc này họ lại chặt dây neo. Có thể thấy mọi biện pháp nhằm chống lại sóng gió đều được tiến hành một cách rất khẩn trương, trong sự góp sức chung của mọi thành viên. Rồi để cứu nguy cho con thuyền, họ đã nhanh chóng xúc cá đổ đi cho thuyền bớt nặng. Cá có thể kiếm được, nhưng sự sống thì chỉ có một lần. Người dân chài ở đây không chỉ dũng cảm mà còn rất sáng suốt và bình tĩnh. Trong cuộc sống thường nhật, họ chất phác, hiền hậu, nhưng khi gặp bão tố, họ lại tỏ ra đầy sức mạnh, đầy lòng can đảm.

Hơn nữa, ở họ còn có vẻ đẹp của lòng yêu đời, khao khát được sống, được nâng đỡ mọi người. Bùi Hiền miêu tả phẩm chất cao đẹp ấy của họ qua hình tượng những bóng ma. Bằng giọng kể chan chứa cảm thông, lão Nhiệm Bình dường như muốn lí giải sự xuất hiện của những bóng ma chỉ là sự thèm khát cuộc sống nơi đất liền, ở đó con người sống yêu thương, gần gũi nhau, trong bầu không khí ấm áp. Còn dưới biển sâu, những người đi biển quá cố cảm thấy thật lạnh lẽo, cô đơn và thấy yêu đất liền, nhớ đất liền da diết.

Vẻ đẹp của người lao động trên biển được Bùi Hiền tìm tòi, khẳng định bằng tình cảm trân trọng, thái độ ngợi ca, cảm phục. *Chiều sương* đâu chỉ hấp dẫn ta bởi những trang hiện thực sống động, chân thực mà chính nó đã khai thác và làm bật lên vẻ đẹp tâm hồn của con người không bao giờ bị mất đi trong cuộc sống đầy bộn bề lo toan. Con thuyền ma của ông Xin Kính hiện về chỉ đường thoát cho thuyền ông Phó Nhụy, khi thuyền này đang mất phương hướng. Tác giả muốn khẳng định tình yêu thương, lòng nhân ái của những người dân chài với đồng loại. Dù chết, họ vẫn muốn làm một việc gì đó cho đồng loại, vì đồng loại. Qua suy nghĩ của lão Nhiệm Bình, Bùi Hiền cho rằng cõi âm và cõi dương “không phân ranh giới”, “người sống và người chết nương tựa vào nhau vắn vít”. Phải chăng, đây chính là suy nghĩ của những người coi trọng quá khứ, tôn trọng những người đã khuất? Trên đời này, người sống luôn luôn nhớ, biết ơn những người đã chết. Bùi Hiền đã nhắc lại chân lí ấy bằng trái tim của nhà văn trân trọng sự mất mát to lớn mà người dân vùng biển quê hương ông cũng như dân ở nhiều vùng duyên hải thường phải gánh chịu. Bởi lẽ thế, *Chiều sương* mang nét đẹp đặc sắc tạo nên những giá trị chân – thiện – mỹ cần có của một sáng tác nghệ thuật chân chính.

Nhưng *Chiều sương* không chỉ hấp dẫn người đọc ở nội dung, mà còn lôi cuốn chúng ta bởi một trình độ nghệ thuật già dặn. Một tác phẩm hoàn hảo chính là tác phẩm đạt đến vẻ đẹp về cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Nội dung và nghệ thuật là máu thịt không thể tách rời nhau.

Trình độ nghệ thuật của *Chiều sương* được biểu hiện trước hết ở cách viết độc đáo. Truyện hầu như toàn nói đến ma. Ngay đầu truyện ta đã bắt gặp những bóng ma thoát ần, thoát hiện, như trêu người, tiêng cười lúc lạnh lạnh, lúc rít lên. Rồi cả con thuyền ma đột ngột xuất hiện trên biển sau dông bão. Những bóng ma trên thuyền lặng lẽ, rì rầm nói với nhau; rồi chúng và cả con thuyền lại đột nhiên biến mất. Miêu tả ma, nói đến chuyện ma, nhưng Bùi Hiền nhằm mục đích về con người đang sống. Bóng ma hiện lên qua lời kể thân nhiên của lão Nhiệm Bình. Thì ra, những người đi biển không hề sợ hãi hoặc tò mò khi nghe chuyện ma, nói chuyện ma. Cái chết đối với họ thật bình thường. Những bóng ma quen thuộc với họ bởi những bóng ma đó không phải ai xa lạ mà chính là những người đi biển – những người đồng nghiệp quá cố của họ. Những hình tượng ma độc đáo ấy đã tạo nên ở *Chiều*

*swong* một thứ không khí mờ ảo, ảo ảo, nửa thực nửa hư, vừa gần gũi, vừa bí ẩn, xa xăm, có tác dụng kích thích trí tò mò, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.

*Chiều swong* còn thể hiện một năng lực quan sát và miêu tả tinh tế của nhà văn. Trong tác phẩm, Bùi Hiền tỏ ra là một cây bút rất am hiểu nghề chài lưới, có lẽ vì đây là nghề chính của quê hương ông. Nhà văn miêu tả thành công những bức tranh lao động, chẳng hạn như cảnh dân chài hào hứng ra khơi khi “binh minh dát ánh vàng trên những dải mây”. Huy Cận trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* cũng đã khai thác vẻ đẹp của thiên nhiên:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển bằng.*

Với những người đi biển, không giây phút nào hạnh phúc bằng giây phút ra khơi trong trời yên biển lặng.

Bùi Hiền rất thành công khi miêu tả sự hùng dữ của biển cả. Sóng to, gió lớn qua ngòi bút của Bùi Hiền như những con quái vật với sức mạnh khủng khiếp. Sóng lúc thốc, lúc chồm, lúc dựng lên quất vào con thuyền. Nhà văn sử dụng nhiều động từ mạnh, nhiều từ gợi hình vừa nhằm tô đậm sự dữ dội, hung bạo của biển cả, vừa khắc họa nổi bật hình ảnh gan góc chống chọi quyết liệt với thiên nhiên của người dân chài. Có thể nói, Bùi Hiền đã sử dụng con mắt điện ảnh để miêu tả thiên nhiên hùng dữ. Lối miêu tả này ta đã từng gặp ở Nguyễn Tuân qua tùy bút *Người lái đò sông Đà*. Đọc tùy bút ấy, ta như được xem những thước phim quý giá về một con sông Đà trữ tình, duyên dáng như áng tóc tuôn dài mượt mà của người thiếu nữ, vừa hung bạo như dã thú khiến nhiều người khiếp sợ.

Ở *Chiều swong*, Bùi Hiền đã thể hiện một lối sử dụng ngôn ngữ khá đa dạng. Đầu truyện là một giọng văn êm dịu, thoáng buồn. Khi tả cái dữ dội của thiên nhiên, giọng văn trở nên gân guốc, mạnh mẽ. Còn những cảnh ma quái của *Chiều swong* lại được thể hiện bằng giọng kể điềm đạm, bình thản... Lối viết đa giọng ấy đã làm cho tác phẩm có sự phong phú, đa dạng, sinh động, tạo hứng thú cho người đọc.

Cùng viết về người dân chài, trước và sau *Chiều swong* của Bùi Hiền có nhiều tác phẩm như *Đêm đại dương* của Victo Huygô, *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận... Mỗi tác phẩm khai thác ở một khía cạnh khác nhau, thể hiện những cái nhìn, khả năng nhận thức của mỗi nhà văn. Cùng nói về những nhọc nhằn của nghề chài lưới, nhưng trong *Đoàn thuyền đánh cá*, Huy Cận lại chọn cảnh lao động bội thu, tràn đầy tiếng hát lạc quan yêu đời. Thật vậy, Huy Cận, Bùi Hiền, Victo Huygô,... bằng tài năng của mình, ở những góc độ khác nhau, họ đã “tạo lập” một cách đầy đủ, hoàn chỉnh và phong phú cái nhìn về sự lao động kiếm sống trên biển cả của những người dân chài.

Với vẻ đẹp hài hòa giữa hình thức và nội dung, *Chiều sương* thực sự là một tác phẩm có sức hấp dẫn lớn đối với người đọc. Truyện ngắn này không những cho ta thấy được sự lao động cực nhọc, hiểm nguy trên biển của người dân chài, mà còn để lại trong ta những rung động trong sáng trước vẻ đẹp của con người: lòng yêu nghề, sự dũng cảm và khát vọng được giúp đỡ mọi người.

Phải am hiểu cuộc sống và con người miền biển một cách sâu sắc và có một trái tim yêu cái đẹp, đồng cảm với cái đẹp, Bùi Hiền mới có thể tạo ra ở *Chiều sương* một vẻ đẹp riêng như thế.

Cùng với nhiều tác phẩm khác của Bùi Hiền, *Chiều sương* cho ta thấy một phong cách văn chương giản dị, nhưng sâu sắc. Đây thật sự là tác phẩm giàu tính hiện thực và nhân đạo, khẳng định vững chắc thêm những đóng góp có ý nghĩa của nhà văn Bùi Hiền đối với văn học Việt Nam trên bước đường hiện đại hóa.

Lê Thu Phượng

Trường THPT chuyên Hạ Long – Quảng Ninh (Bài đoạt giải nhất)